

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 31-12-2021

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp
nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kim Đó.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Thơm.

Ông Trần Đại Nghĩa.

Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Khuyển - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T ghi biên bản phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Hội - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 303/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13/12/2021 giữa:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1994

Địa chỉ: 64/2, ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: **Anh Nguyễn Thành B**, sinh năm: 1983

Địa chỉ: 82/1, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có mặt, Anh B vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 4 năm 2021, bản tự khai ngày 04/5/2021, biên bản ghi lời khai ngày 23/6/2021 và các bản khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và Anh B quen biết, tìm hiểu yêu thương nhau khoảng hơn 01 năm tự nguyện đi đến đăng ký hôn và được UBND xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai, cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/9/2013. Đây là hôn nhân lần đầu của Chị T.

Sau khi kết hôn vợ chồng cùng sống chung với gia đình Chị T tại xã ThAnh B, huyện T. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, Anh B đi làm về không

đưa tiền phụ giúp Chị T chăm lo cho gia đình, mỗi lần Chị T hỏi tiền chi tiêu thì Anh B có lời lẽ xúc phạm chị, mặt khác anh thường tụ tập bạn bè ăn nhậu say xỉn về nhà có thái độ hành hung đánh Chị T, gia đình nhiều lần khuyên can nhưng Anh B vẫn không sửa đổi tính xấu, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc.

Cuối năm 2016 vợ chồng sống ly thân, Anh B đã chuyển về nhà bố mẹ ruột anh tại xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, sinh sống cho đến ngày hôm nay còn Chị T vẫn sống tại nhà bố mẹ ruột ở ấp L, xã B, huyện T, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không gặp nhau bàn bạc đoàn tụ, không quan tâm thực hiện quyền nghĩa vụ chung vợ chồng.

Trước Tòa án Chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với Anh B yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thành B.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày: 03/3/2016. Hiện con chung đang sống cùng Chị T. Khi ly hôn Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tạm thời Chị T không yêu cầu Anh B cấp dưỡng nuôi con. Chị T đã được giải thích quy định pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, Chị T đã hiểu rõ nhưng chị xác định từ trước đến nay chị là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Anh B không phụ giúp nuôi con nên chị không yêu cầu Anh B cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay nghề nghiệp chị là làm rẫy, thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 10.000.000đ (mười triệu đồng) do làm rẫy tại nhà nên Chị T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh thu nhập của chị nộp cho Tòa án.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ riêng: Không có

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/5/2021 bị đơn anh Nguyễn Thành B trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian và hoàn cảnh kết hôn theo như Chị T khai là đúng. Anh B và Chị T được tìm hiểu yêu thương khoảng 01 năm thì tự nguyện đăng ký kết hôn được UBND xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai, cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/9/2013. Đây là hôn nhân lần đầu của Anh B.

Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung cùng gia đình Chị T tại xã ThAnh B, Trảng Bom. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc, đầm ấm được khoảng 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tính không hợp nhau, công việc của Anh B làm ăn không thuận lợi, Chị T không chia sẻ, động viên mà có thái độ xem thường anh. Mặt khác Anh B nghi ngờ Chị T sống không chung thủy, nhưng anh không có chứng cứ nộp cho Tòa án.

Cuối năm 2017 vợ chồng sống ly thân, Anh B về sống cùng với ba mẹ ruột của anh tại ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai, vợ chồng không còn thương yêu

chăm sóc lẫn nhau, việc ai nấy làm. Nay Anh B xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc, anh cũng không còn tình cảm vợ chồng với Chị T nhưng vì anh theo đạo công giáo nên anh không đồng ý ly hôn, việc Chị T xin ly hôn yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày: 03/3/2016. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị T, Anh B đồng ý giao con chung cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời Anh B không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản xác minh tại ban ấp G, xã G, huyện T ngày 27/5/2021 về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Nguyễn Thành B và chị Nguyễn Thị T, trưởng ấp G, xã G, huyện T cho biết Anh B và Chị T kết hôn vào năm 2013, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung cùng gia đình Chị T tại T. Từ cuối năm 2016 đến nay Anh B đã về sống tại số nhà 82/1, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai không còn sống chung nhà với Chị T. Sau khi tìm hiểu nguyên nhân thì ban ấp được biết là do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất hòa nên sống ly thân.

* Theo biên bản xác minh tại Công an xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai ngày 27/10/2021 về nơi cư trú của bị đơn anh Nguyễn Thành B, ông Nguyễn Anh Q, phó trưởng công an xã G, huyện T cho biết anh Nguyễn Thành B có đăng ký HKTT và hiện nay đang cư trú, sinh sống tại số nhà 82/1, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

**** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:***

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định pháp luật. Thời hạn giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật.

Về chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không chấp hành pháp luật đến tham gia phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo thủ tục chung, xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày: 03/3/2016, cho Chị T tiếp tục nuôi dưỡng, tạm thời Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có tranh chấp nên hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Nguyễn Thành B có nơi cư trú tại: số nhà 82/1, ấp G, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 30/11/2021 Tòa án tiến hành niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/11/2021, tại nhà anh Nguyễn Thành B, tại UBND xã G và tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai. Thông báo cho Anh B biết thời gian mở phiên tòa xét xử vào lúc 09 giờ ngày 13/12/2021, nhưng Anh B vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa.

Ngày 14/12/2021 Tòa án tiến hành niêm yết quyết định hoãn phiên số 26/2021/QĐST-HNGĐ tại nhà anh Nguyễn Thành B, tại UBND xã G và tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai. Thông báo cho Anh B biết thời gian mở lại phiên tòa vào lúc 08 giờ ngày 31/12/2021, Anh B tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt Anh B.

[2] Xét quan hệ tranh chấp trong vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thành B tự nguyện yêu thương và đi đến kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai, cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/9/2013. Căn cứ các Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của Chị T và Anh B được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, Chị T khởi kiện xin ly hôn Anh B. Xét thời điểm hiện tại Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đang có hiệu lực thi hành, việc kết hôn của Chị T và Anh B cũng thỏa mãn điều kiện theo quy định tại điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; về con chung và tài sản chung, nợ chung không tranh chấp, nên Tòa án áp dụng luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết ly hôn.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự thông cảm chia sẻ giúp đỡ nhau về kinh tế, mặt khác thiếu sự tin tưởng nghi ngờ nhau về việc sống không chung thủy, dẫn đến phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc.

Chị T và Anh B sống ly thân từ cuối năm 2016 đến nay không gặp nhau bàn bạc đoàn tụ, Anh B xác định không còn tình cảm vợ chồng với Chị T, mặt khác anh là người theo đạo công giáo nên không đồng ý ly hôn, nhưng Anh B không có thiện chí đến Tòa án hòa giải đoàn tụ xây dựng lại gia đình với Chị T. Điều đó cho thấy hôn nhân giữa Chị T và Anh B đã lâm vào tình trạng trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Chị T, cho chị và Anh B được ly hôn.

[2.2]. Xét về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày: 03/03/2016. Khi ly hôn Anh B thống nhất ý kiến giao cháu Tuấn cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Tuấn cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu Anh B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Anh Nguyễn Thành B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Chị T và Anh B không tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không giải quyết..

[4] Về nợ chung: Chị T và Anh B trình bày không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Điều 9; Điều 11 luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “ly hôn, tranh chấp nuôi con” của chị Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thành B.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày: 03/03/2016. Tạm thời anh Nguyễn Thành B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Thành B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung; nợ chung: không giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006650 ngày 22/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; Chị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) kể từ ngày tuyên án, Anh B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. T;
- CC.THADS H. T;
- UBND xã ThAnh B, huyện T
(số 97, quyền số 01/2013 ngày 24/9/2013);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Kim Đó